CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
ĐC: 48/2A đường Bình Hoà 13, KP. Bình Đáng, P. Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00807/2026/KQTN 18/06/2026

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN
2. **Địa chỉ** : 420 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, thành phố Hồ Chí Minh
3. **Ngày lấy mẫu** : 09/06/2026
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Không khí xung quanh
6. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ(1) (°C)	Độ ẩm(1) (%)	Tốc độ gió(1) (m/s)	Tiếng ồn(1) (dBA)	Ánh sáng(*) (Lux)
Khu vực cổng X: 10°49'12.35"; Y: 106°42'33.69"	30,7	73,2	0,4	58,6	ASTN
QCVN 26:2010/BTNMT	-	-	-	**≤ 70**	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2022/BTNMT			TCVN 7878-2:2018	TCVN 5176:1990

Bảng 2:

Vị trí đo	Bụi(1) (mg/Nm^3)	NO_2(1) (mg/Nm^3)	SO_2(1) (mg/Nm^3)	CO(1) (mg/Nm^3)
Khu vực cổng X: 10°49'12.35"; Y: 106°42'33.69"	0,19	0,052	0,068	5,55
QCVN 05:2023/BTNMT	**≤ 0,3**	**≤ 0,2**	**≤ 0,35**	**≤ 30**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HDPT-31-KHI CO

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- *(1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(*) Thông số không quy định tại Thông tư quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường và các Quy chuẩn hiện hành về môi trường do BNNMT ban hành, được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và chỉ mang tính chất tham khảo.*
- *QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn*
- *QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí*
- *ASTN: Ánh sáng tự nhiên*

PHÒNG THỬ NGHIỆM **GIÁM ĐỐC**

TRẦN THỊ THÙY NHUNG **NGUYỄN THỊ HUYỀN**

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
ĐC: 48/2A đường Bình Hoà 13, KP. Bình Đáng, P. Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00808/2026/KQTN 18/06/2026

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN
2. **Địa chỉ** : 420 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, thành phố Hồ Chí Minh
3. **Ngày lấy mẫu** : 09/06/2026
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Không khí môi trường lao động
6. **Kết quả đo đạc, phân tích :**

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)
Khu vực xưởng sản xuất X: 10°49'7.74"; Y: 106°42'37.57"	31,3	74,7	0,3	67,8	480
Khu vực văn phòng X: 10°49'11.39"; Y: 106°42'36.39"	31,4	70,8	0,4	55,7	557
QCVN 22:2016/BYT	-	-	-	-	**≥ 300**
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	**≤ 85**	-
QCVN 26:2016/BYT	**18 – 32**	**40 – 80**	**0,2 – 1,5**	-	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2022/BTNMT			TCVN 7878-2:2018	TCVN 5176:1990

Bảng 2:

Vị trí đo	Bụi (mg/m^3)	NO_2 (mg/m^3)	SO_2 (mg/m^3)	CO (mg/m^3)
Khu vực xưởng sản xuất X: 10°49'7.74"; Y: 106°42'37.57"	0,23	0,050	0,070	5,59
Khu vực văn phòng X: 10°49'11.39"; Y: 106°42'36.39"	0,17	0,050	0,073	5,98
QCVN 02:2019/BYT	**≤ 8**	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	**≤ 5**	**≤ 5**	**≤ 20**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HDPT-31-KHI CO

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo
- *QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc*
- *QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc*
- *QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc*
- *QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc*
- *QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc*

PHÒNG THỬ NGHIỆM **GIÁM ĐỐC**

TRẦN THỊ THÙY NHUNG **NGUYỄN THỊ HUYỀN**

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
ĐC: 48/2A đường Bình Hoà 13, KP. Bình Đáng, P. Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

VACI VALAS 073 | ilac-MRA | VIMCERTS 285

Số: 00809/2026/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

18/06/2026

1 Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN

2 Địa chỉ : 420 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, thành phố Hồ Chí Minh

3 Ngày lấy mẫu : 09/06/2026

4 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ

5 Loại mẫu : Nước thải

6 Ký hiệu và mô tả mẫu : 260609_11NT1: Nước thải tại hố ga đấu nối – X: 10°49'13.66"; Y: 106°42'43.58"

7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT CỘT B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			260609_ 11NT1		
1.	Độ màu(1)	Pt-Co	46	150	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)
2.	pH(1)	-	6,86	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
3.	TSS(1) (a)	mg/L	<6 LOQ=6	100	TCVN 6625:2000
4.	COD(1) (a)	mg/L	35	150	SMEWW 5220C:2023
5.	BOD_5(1)	mg/L	16	50	TCVN 6001–1:2021
6.	Amoni (NH_4^+_N)(1)	mg/L	KPH MDL=0,9	10	TCVN 5988:1995
7.	Tổng Nitơ(1) (a)	mg/L	<10 LOQ=10	40	TCVN 6638:2000
8.	Tổng phosphor(1) (a)	mg/L	5,50	6	SMEWW 4500-P. B&E:2023
9.	Sắt (Fe)(1) (a)	mg/L	0,4	5	SMEWW 3111B:2023
10.	Crom VI (Cr^{6+})(1) (a)	mg/L	KPH MDL=0,003	0,1	SMEWW 3500-Cr.B:2023
11.	Crom III (Cr^{3+})(1)	mg/L	KPH MDL=0,003	1	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT CỘT B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			260609_ 11NT1		
12.	Dầu mỡ khoáng(1)	mg/L	KPH MDL=1	10	SMEWW 5520B&F:2023
13.	Đồng (Cu)(1) (a)	mg/L	KPH MDL=0,03	2	SMEWW 3111B:2023
14.	Kẽm (Zn)(1) (a)	mg/L	0,1	3	SMEWW 3111B:2023
15.	Mangan (Mn)(1) (a)	mg/L	KPH MDL=0,03	1	SMEWW 3111B:2023
16.	Niken (Ni) (1) (a)	mg/L	0,004	0,5	SMEWW 3113B:2023
17.	Asen (As)(1) (a)	mg/L	KPH MDL=0,0008	0,1	SMEWW 3113B:2023
18.	Thủy ngân (Hg)(1) (a)	mg/L	KPH MDL=0,0003	0,01	SMEWW 3112B:2023
19.	Chì (Pb)(1) (a)	mg/L	KPH MDL=0,001	0,5	SMEWW 3113B:2023
20.	Cadimi (Cd)(1) (a)	mg/L	KPH MDL=0,0002	0,1	SMEWW 3113B:2023
21.	Tổng Coliform(1)	MPN /100mL	$2,1x10^3$	5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- *(1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(a) Thông số được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam công nhận;*
- *QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp;*
- *KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện LOQ: Ngưỡng định lượng*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3702915620 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ HUYỀN

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
ĐC: 48/2A đường Bình Hoà 13, KP. Bình Đáng, P. Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00810/2026/KQTN 18/06/2026

1	**Địa điểm lấy mẫu**	:	CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN
2	**Địa chỉ**	:	420 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, thành phố Hồ Chí Minh
3	**Ngày lấy mẫu**	:	09/06/2026
4	**Điều kiện lấy mẫu**	:	Trời nắng, gió nhẹ
5	**Loại mẫu**	:	Nước thải
6	**Ký hiệu và mô tả mẫu**	:	260609_11NT2: Nước thải trước hệ thống xử lý – X: 10°49'13.23"; Y: 106°42'43.05"
7	**Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu**	:	TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu. TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu. TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT CỘT B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			260609_ 11NT2		
1.	Độ màu(1)	Pt-Co	160	150	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)
2.	pH(1)	-	6,86	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
3.	TSS(1) (a)	mg/L	375	100	TCVN 6625:2000
4.	COD(1) (a)	mg/L	834	150	SMEWW 5220C:2023
5.	BOD_5(1)	mg/L	433	50	TCVN 6001–1:2021
6.	Amoni (NH_4^+_N)(1)	mg/L	57,4	10	TCVN 5988:1995
7.	Tổng Nitơ(1) (a)	mg/L	83,9	40	TCVN 6638:2000
8.	Tổng phosphor(1) (a)	mg/L	19,3	6	SMEWW 4500-P. B&E:2023
9.	Sắt (Fe)(1) (a)	mg/L	2,2	5	SMEWW 3111B:2023
10.	Crom VI (Cr^{6+})(1) (a)	mg/L	KPH MDL=0,003	0,1	SMEWW 3500-Cr.B:2023
11.	Crom III (Cr^{3+})(1)	mg/L	KPH MDL=0,003	1	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023

Sự hài lòng của bạn - Uy tín của chúng tôi

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT CỘT B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			260609_ 11NT2		
12.	Dầu mỡ khoáng(1)	mg/L	<3 LOQ=3	10	SMEWW 5520B&F:2023
13.	Đồng (Cu)(1) (a)	mg/L	<0,1 LOQ=0,1	2	SMEWW 3111B:2023
14.	Kẽm (Zn)(1) (a)	mg/L	0,8	3	SMEWW 3111B:2023
15.	Mangan (Mn)(1) (a)	mg/L	0,4	1	SMEWW 3111B:2023
16.	Niken (Ni) (1) (a)	mg/L	0,007	0,5	SMEWW 3113B:2023
17.	Asen (As)(1) (a)	mg/L	KPH MDL=0,0008	0,1	SMEWW 3113B:2023
18.	Thủy ngân (Hg)(1) (a)	mg/L	KPH MDL=0,0003	0,01	SMEWW 3112B:2023
19.	Chì (Pb)(1) (a)	mg/L	KPH MDL=0,001	0,5	SMEWW 3113B:2023
20.	Cadimi (Cd)(1) (a)	mg/L	KPH MDL=0,0002	0,1	SMEWW 3113B:2023
21.	Tổng Coliform(1)	MPN /100mL	$2,2x10^5$	5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;
- *(1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(a) Thông số được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam công nhận;*
- *QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp;*
- *KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện LOQ: Ngưỡng định lượng*

PHÒNG THỬ NGHIỆM **GIÁM ĐỐC**

TRẦN THỊ THÙY NHUNG **NGUYỄN THỊ HUYỀN**

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
ĐC: 48/2A đường Bình Hoà 13, KP. Bình Đáng, P. Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

VACI VALAS 073 | ilac-MRA | VIMCERTS 286

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00811/2026/KQTN — 18/06/2026

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN
2. **Địa chỉ** : 420 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, thành phố Hồ Chí Minh
3. **Ngày lấy mẫu** : 09/06/2026
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Nước mặt
6. **Ký hiệu và mô tả mẫu** : 260609_11NM1: Nước mặt sông Sài Gòn – X: 10°49'13.51"; Y: 106°42'44.7"
7. **Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-6: 2018– Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu sông và suối.
TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 6663-4:2020 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 4: Hướng dẫn lấy mẫu từ các hồ tự nhiên và hồ nhân tạo.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8. **Kết quả đo đạc, phân tích :**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT Mức C	Phương pháp đo đạc, phân tích
			260609_ 11NM1		
1	pH(1)	-	6,72	6 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	DO(1)	mg/L	6,23	≥4	TCVN 7325:2016
3	TSS(1)	mg/L	55	>100 và không có rác nổi	TCVN 6625:2000
4	COD(1)	mg/L	25	≤20	SMEWW 5220C:2023
5	BOD_5(1)	mg/L	11	≤10	TCVN 6001-1:2021
6	Amoni (NH_4^+_N)(1)	mg/L	1,20	0,3	TCVN 6179 – 1:1996
7	Nitrat (NO_3^-_N)(1)	mg/L	0,86	-	SMEWW 4500- NO_3^- .E:2023
8	Phosphat (PO_4^{3-}_P)(1)	mg/L	<0,1 LOQ=0,1	-	SMEWW 4500-PO_4^{3-}.E:2023
9	Chất hoạt động bề mặt anion(1)	mg/L	KPH MDL=0,02	0,1	SMEWW 5540 B&C:2023
10	Tổng Coliform(1)	MPN/ 100mL	$1,4x10^3$	≤7.500	SMEWW 9221B:2023
11	E.coli(1)	MPN/ 100mL	$1,7x10^2$	20	SMEWW 9221B&F:2023

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;
- *(1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt*
- *KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện LOQ: Ngưỡng định lượng*

PHÒNG THỬ NGHIỆM — **TRẦN THỊ THÙY NHUNG**

GIÁM ĐỐC — **NGUYỄN THỊ HUYỀN**

M.S.D.N: 3702915... C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH